TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 206/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trường T, sinh ngày 25/01/1990; số căn cước công dân: 045190011339, cấp ngày 05/12/2021. Địa chỉ: Thôn T, xã C - L, thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn T1, sinh ngày 10/8/1985, số căn cước công dân: 046085010339, cấp ngày 04/5/2021; Địa chỉ: Thôn T, xã C - L, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn Trường .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn T1 có 05 người con chung tên là Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Thị Bảo T3, sinh ngày 20/6/2011; Nguyễn Bảo L, sinh ngày 22/3/2013, Nguyễn Ngọc Thanh T4, sinh ngày 04/4/2016 và Nguyễn L1, sinh ngày 02/5/2019. Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn T1 thỏa thuận: Giao 05 người con chung tên là Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Thị Bảo T3, sinh ngày 20/6/2011; Nguyễn Bảo L, sinh ngày 22/3/2013, Nguyễn Ngọc Thanh T4, sinh ngày 04/4/2016 và Nguyễn L1, sinh ngày 02/5/2019 cho anh Nguyễn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Trường T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Bảo T2 mỗi tháng là 700.000 đồng, nuôi cháu Nguyễn Thị Bảo T3 mỗi tháng là 700.000 đồng, nuôi cháu Nguyễn Bảo L mỗi tháng là 700.000 đồng, nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T4 mỗi tháng là 700.000 đồng, nuôi cháu Nguyễn L1 mỗi tháng là

700.000 đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trường T và anh Nguyễn T1 thỏa thuận, chị Nguyễn Thị Trường T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000902 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Thị Trường T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND xã Chân Mây – Lăng Cô, thành phố Huế ;
(Đăng ký kết hôn số 02, quyển số 01/2009, ngày 06/01/2009)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân